

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1474/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 02 tháng 10 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đường Thừa Đức đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ” tại xã Xuân Đường và xã Xuân Quế tỉnh Đồng Nai của Ban Quản lý dự án Khu vực 08**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét văn bản số 5860/STNMT-MT ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) về thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đường Thừa Đức đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ” tại xã Thừa Đức – xã Sông Nhạn – xã Xuân*

Quế, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai của UBND huyện Cẩm Mỹ (nay là xã Xuân Đường, xã Xuân Quế, tỉnh Đồng Nai của Ban quản lý dự án Khu vực 08);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 295/TTr - SoNNMT ngày 26 tháng 9 năm 2025.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đường Thừa Đức đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ” (sau đây gọi là Dự án) của Ban quản lý dự án khu vực 08 (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Xuân Đường, xã Xuân Quế, tỉnh Đồng Nai với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Ban quản lý dự án Khu vực 08;
- Bộ Nông Nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Sở Nông Nghiệp và Môi trường;
- Các Sở: Xây dựng, Tài chính;
- UBND xã Xuân Đường, UBND xã Xuân Quế;
- Báo và Phát Thanh, Truyền hình Đồng Nai (Phòng Quản lý Công thông tin điện tử) (đăng tải);
- Chánh, Phó Văn phòng KTN;
- Lưu: VT, KTN, Thu, 12b

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Hoàng**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
**“ĐƯỜNG THỪA ĐỨC ĐI LONG KHÁNH, HUYỆN CẨM MỸ”**  
*(Kèm theo Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

## 1. Thông tin về Dự án

### 1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Đường Thừa Đức đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ.
- Địa điểm thực hiện Dự án: Xã Xuân Đường, xã Xuân Quế, tỉnh Đồng Nai.
- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án Khu vực 08.

### 1.2. Phạm vi, quy mô Dự án

- Đầu tư xây dựng mới đường Thừa Đức đi Long Khánh, quy mô đường ô tô cấp II, chiều dài tuyến 9.699 m đi qua xã Xuân Đường và xã Xuân Quế, tỉnh Đồng Nai với diện tích đất thực hiện khoảng 58,3 ha. Phần tuyến chính có mặt đường thiết kế 08 làn xe: mặt đường 06 làn xe rộng 21 m; 02 làn xe thô sơ (lề gia cố) rộng 6 m; lề đường (02 bên) rộng 9,5 m; dải đất dự trữ rộng 11,5 m chưa đầu tư; tổng bề rộng nền đường 48 m. Bồi thường, giải phóng mặt bằng theo lộ giới quy hoạch 60 m.

- Xây dựng cầu, nút giao, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng và an toàn giao thông trên tuyến.

- Quy mô đầu tư: Công trình đường giao thông, cấp II. Vận tốc thiết kế 80 km/h;

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm: Các hoạt động đền bù, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư; khai thác và vận chuyển vật liệu san lấp, vật liệu xây dựng.

### 1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư

#### 1.3.1. Các hạng mục công trình chính của Dự án

##### a) Phần tuyến chính

- Đầu tư xây dựng mới đường Thừa Đức đi Long Khánh dài khoảng 9,699 km, bề rộng đường 48 m; quy mô 08 làn xe: mặt đường 06 làn xe rộng 21 m; 02 làn xe thô sơ (lề gia cố) rộng 6m; lề đường (02 bên) rộng 9,5m; dải đất dự trữ rộng 11,5m chưa đầu tư; vận tốc thiết kế 80 km/h.

##### b) Phần cầu

- Xây dựng 05 cầu vượt dòng chảy và 01 cầu vượt đường cao tốc trên tuyến:

+ Cầu số 1 (tại lý trình Km0+185), cầu qua suối Đục, gồm 2 đơn nguyên:

Với chiều rộng mặt cắt ngang cầu 34m (đơn nguyên phải rộng 18,75m; đơn nguyên trái rộng 15,25m). Sơ đồ nhịp cầu gồm 03 nhịp giản đơn; đơn nguyên phải gồm 33 dầm I (18,6m và 33m), đơn nguyên trái gồm 27 dầm I (18,6m và 33m) bằng BTCT dự ứng lực căng trước lắp ghép.

+ Cầu số 2 (tại lý trình Km1+138), cầu qua suối Sâu, gồm 2 đơn nguyên: với chiều rộng mặt cắt ngang cầu 30,5m (mỗi đơn nguyên rộng 15,25m). Sơ đồ nhịp cầu gồm 01 nhịp giản đơn; mỗi đơn nguyên gồm 9 dầm I-33m bằng BTCT dự ứng lực căng trước lắp ghép.

+ Cầu số 3 (tại lý trình Km3+737), cầu vượt đường cao tốc Phan Thiết – Dầu giây, gồm 2 đơn nguyên: Với chiều rộng mặt cắt ngang cầu 36,25m (đơn nguyên phải giữ nguyên cầu hiện hữu, mở rộng cầu cũ bằng đơn nguyên cầu độc lập với tổng bề rộng 21m; đơn nguyên trái xây mới rộng 15,25m). Sơ đồ nhịp cầu gồm 03 nhịp giản đơn; đơn nguyên phải gồm 12 dầm Super T, đơn nguyên trái gồm 27 dầm Super T bằng BTCT dự ứng lực căng trước lắp ghép.

+ Cầu số 4 (tại lý trình Km6+106), cầu qua suối Râm, gồm 2 đơn nguyên: với chiều rộng mặt cắt ngang cầu 30,5m (mỗi đơn nguyên rộng 15,25m). Sơ đồ nhịp cầu gồm 02 nhịp giản đơn; đơn nguyên phải gồm 18 dầm I (24,54m và 33m), đơn nguyên trái gồm 18 dầm I (24,54m và 33m) bằng BTCT dự ứng lực căng trước lắp ghép.

+ Cầu số 5 (tại lý trình Km7+464), cầu qua suối Cống Lơ, gồm 2 đơn nguyên: với chiều rộng mặt cắt ngang cầu 30,5m (mỗi đơn nguyên rộng 15,25m). Sơ đồ nhịp cầu gồm 06 nhịp giản đơn; mỗi đơn nguyên gồm 54 dầm I-33m bằng BTCT dự ứng lực căng trước lắp ghép.

+ Cầu số 6 (tại lý trình Km8+388), cầu qua suối Nhỏ, gồm 2 đơn nguyên: với chiều rộng mặt cắt ngang cầu 30,5m (mỗi đơn nguyên rộng 15,25m). Sơ đồ nhịp cầu gồm 01 nhịp giản đơn; mỗi đơn nguyên gồm 9 dầm I-33m bằng BTCT dự ứng lực căng trước lắp ghép.

### c) Nút giao

- Thi công, xây dựng công trình giao cắt với các đường hiện hữu và tuyến đường quy hoạch bằng các nút giao, công trình thoát nước dọc, hệ thống công ngang dọc tuyến; bao gồm: nút giao với đường Hương Lộ 10 (ĐT.773) hiện hữu (nút giao đầu tuyến) tại lý trình km0+000, giao bằng dạng ngã tư; nút giao với cao tốc Phan Thiết – Dầu Giây hiện hữu tại lý trình km3+737, giao bằng dạng cầu vượt; nút giao với đường Hàng Gòn – Xuân Quế hiện hữu tại lý trình km4+456, giao bằng dạng ngã tư.

- Bán kính vượt nối giữa tuyến chính và đường ngang  $R = 15m$ . Đối với các đường cắt ngang quy hoạch, phạm vi đầu tư xây dựng giới hạn đến mép ngoài vỉa hè của tuyến dự án đường Thừa Đức đi Long Khánh.

### d) Hệ thống thoát nước mưa

- Đầu tư hệ thống thoát nước mưa ngang tuyến tại các vị trí tụ thủy, Tuyến dự án gồm 6 cống thoát nước ngang: Cống số 1 tại lý trình km2+680, là cống

hộp BTCT có khẩu độ 1x2x1,5m; Công số 2 tại lý trình km3+100, là công hộp đôi BTCT có khẩu độ 2x2x1,5m; Công số 3 tại lý trình km5+240, là công hộp đôi BTCT có khẩu độ 2x2x1,5m; Công số 4 tại lý trình km5+849, là công tròn BTCT có khẩu độ 1D1,5m; Công số 5 tại lý trình km6+600, là công hộp BTCT có khẩu độ 1x1x1m; Công số 6 tại lý trình km9+400, là công tròn BTCT có khẩu độ 1D1,5m.

- Đầu tư hệ thống thoát nước mưa dọc tuyến dự án chủ yếu là rãnh biên, rãnh thoát nước mặt đường, taluy nền đào; Hướng thoát nước: Phân bố lưu vực thoát nước đảm bảo thu gom toàn bộ nước mưa và thoát vào 05 suối tự nhiên dọc tuyến dự án; rãnh biên là rãnh hình thang, bề rộng đáy rãnh  $b=0,4m$ , chiều sâu rãnh  $h=0,4m$ , taluy rãnh 1:1, các vị trí rãnh gần cầu sẽ được kéo về vị trí suối; rãnh hình thang ở dải giữa có bề rộng đáy rãnh  $b = 0,4m$ , chiều sâu rãnh  $h = 0,4m$ , taluy rãnh 1:1; nắp đan đáy rãnh có kết cấu BTCT, bề rộng 0,4m; chiều dài 1,2m/tầm, đáy rãnh thoát nước rãnh biên và rãnh ở dải giữa; hố thu: 48 hố, kích thước 0,8mx0,8m.

### 1.3.2 Các hạng mục công trình phụ trợ

- Đầu tư, di dời hệ thống cấp điện chiếu sáng, an toàn giao thông đường bộ.

- 02 công trường thi công (bao gồm: Bãi tập kết nguyên vật liệu, nhà điều hành công trình, bãi chứa tạm chất thải rắn); dự án không có trạm trộn bê tông nhựa nóng, trạm trộn bê tông xi măng, bãi đúc cầu kiện bê tông; trụ cột đều được gia công sẵn.

### 1.3.3. Các hạng mục, công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- 04 nhà vệ sinh di động tại 02 công trường thi công (dung tích bồn chứa chất thải khoảng 8,4 m<sup>3</sup>/nhà vệ sinh); 02 hệ thống cầu rửa xe tại công trường thi công có trang bị kèm theo ngăn lắng nước thải bên dưới cầu rửa xe để lắng nước thải phát sinh từ hoạt động rửa bánh xe phương tiện vận chuyển, vệ sinh dụng cụ thi công (kích thước ngăn lắng khoảng 3m x 2m x 1m).

- 02 kho chứa chất thải rắn thông thường (01 kho/công trường) từ hoạt động xây dựng diện tích khoảng 20 m<sup>2</sup>. Kho được bố trí trong khu tập kết nguyên vật liệu, ngăn cách với khu vực khác bằng tole.

- 02 kho chứa chất thải nguy hại (01 kho/công trường) từ hoạt động xây dựng diện tích khoảng 5 m<sup>2</sup>. Kho được bố trí trong khu tập kết nguyên vật liệu, ngăn cách với khu vực khác bằng tole. Bên trong kho có trang bị 04 thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy, được dán nhãn cảnh báo dung tích 60 lít để lưu giữ chất thải nguy hại.

- 01 bãi tập kết, tiếp nhận đất vét hữu cơ trên khu đất quy hoạch khu trung tâm hành chính huyện (nằm ngoài phạm vi tuyến dự án) với khối lượng dự kiến khoảng 196.506,9 tấn; vị trí tại thửa đất số 330 tờ bản đồ số 2 xã Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai theo Biên bản thống nhất vị trí đồ đất, đá thừa ngày 15/03/2024 của Ban Quản lý dự án huyện Cẩm Mỹ (nay là Ban quản lý dự án số 8) và UBND thị trấn Long Giao (nay là xã Cẩm Mỹ) về việc thống nhất vị đồ đất thải phục vụ thi

công trình dự án “Đường Thừa Đức đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ”.

- 01 bãi tập kết tạm đất đào dôi dư, đất bóc hữu cơ từ quá trình đào thi công nền đường tuyến dự án (nằm trong ranh dự án, tại vị trí dự kiến đất dải giữa dự trữ) với khối lượng dự kiến khoảng 141.807,1 tấn.

#### *1.3.4. Các hoạt động của dự án đầu tư*

- Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động lắp đặt công trường, thi công các hạng mục của Dự án, vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của công trường, hoạt động sinh hoạt của công nhân tại công trường, hoạt động hoàn trả mặt bằng tại các vị trí bố trí công trường thi công.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động bảo trì, duy tu các hạng mục của Dự án và hoạt động của các phương tiện giao thông trên tuyến.

#### *1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường*

Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại số thứ tự 5, phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP): Dự án sử dụng đất, đất có mặt nước quy mô trung bình từ 50 ha đến dưới 100 ha.

### **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

#### *2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng*

Hoạt động phá dỡ các công trình hiện hữu, phát quang thực vật, giải phóng chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp san nền, thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải; nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực, hoạt động giao thông đường bộ, tiềm ẩn sự cố tai nạn lao động, sự cố cháy nổ, sự cố ngập úng.

#### *2.2. Giai đoạn vận hành*

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn ảnh hưởng chủ yếu đến khu vực dân cư dọc tuyến.

- Hoạt động vận hành, bảo trì, sửa chữa nhỏ trên tuyến phát sinh chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

### **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

#### *3.1. Nước thải, khí thải*

##### *3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải*

##### *a) Giai đoạn thi công, xây dựng*

Tổng lượng nước thải phát sinh lớn nhất trong giai đoạn thực hiện thi công

xây dựng khoảng 4,39 m<sup>3</sup>/ngày, gồm:

- Hoạt động của công nhân phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng 3,2 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần ô nhiễm chính: TSS, Amoni (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, phosphat (tính theo P), tổng coliforms.

- Hoạt động vệ sinh dụng cụ, rửa bánh xe đối với phương tiện ra vào công trường phát sinh nước thải với lưu lượng khoảng 1,19 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần ô nhiễm chính: pH, TSS, dầu mỡ khoáng.

*b) Giai đoạn vận hành*

Dự án không phát sinh nước thải trong giai đoạn vận hành.

*3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải*

*a) Giai đoạn thi công xây dựng*

Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục, công trình, vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển chất thải xây dựng, hoạt động của máy móc thiết bị thi công các hạng mục của Dự án phát sinh bụi và khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>.

*b) Giai đoạn vận hành*

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu trên tuyến đường phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, VOC.

- Phát sinh không đáng kể trong quá trình duy tu bảo dưỡng dự án.

*3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại*

*3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt*

*a) Giai đoạn thi công, xây dựng*

Hoạt động của công nhân trong quá trình chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng phát sinh với khối lượng lớn nhất khoảng 20 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, rau củ, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, giấy báo,...

*b) Giai đoạn vận hành*

Hoạt động của công nhân tham gia sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng tuyến đường phát sinh chất thải rắn sinh hoạt khoảng 2,5 - 5,0 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: vỏ đồ hộp, chai lọ nhựa, thức ăn thừa.

*3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường*

*a) Giai đoạn thi công, xây dựng*

- Hoạt động phá dỡ công trình tạm, lều canh rẫy, các công trình hạ tầng phát sinh phế thải với khối lượng khoảng 886,5 tấn. Thành phần chủ yếu là sắt, thép, xà bần, gạch ngói, bê tông, tole, gỗ, bêt,...

- Hoạt động phá dỡ cầu hiện hữu phát sinh chất thải với khối lượng khoảng 569 tấn. Thành phần chủ yếu là bê tông, sắt thép thải,...

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng thi công phát sinh khối lượng sinh khối thực vật khoảng 2.201,3 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: Chất thải thực bì, cây cỏ, cành lá, gỗ.

- Đất bóc tầng mặt đất chuyên trồng với khối lượng khoảng 196.506,9 tấn (độ sâu bóc tách khoảng 20cm - 25cm, khối lượng bóc tách là 135.522 m<sup>3</sup>). Thành phần đất mặt giàu hữu cơ của đất trồng cây lâu năm.

- Hoạt động đào hố móng, nền đường, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống hạ tầng kỹ thuật làm phát sinh đất đào khoảng 338.314 tấn. Trong đó, khối lượng đất bóc được tận dụng lại để trồng cây xanh và đắp nền khoảng 141.807,1 tấn và khối lượng khoảng 196.506,9 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: Đất bóc tầng đất mặt của đất nông nghiệp, đắp đào đắp.

- Hoạt động thi công xây dựng phát sinh chất thải rắn xây dựng khoảng 7.234,1 tấn trong suốt thời gian thi công. Thành phần chủ yếu là mẫu vụn sắt, thép, xà bần, bao bì,...

#### *b) Giai đoạn vận hành*

- Hoạt động bảo trì, sửa chữa trong giai đoạn vận hành các công trình trên tuyến dự án làm phát sinh khoảng 2-3 m<sup>3</sup> chất thải rắn/đợt bảo dưỡng; thành phần chủ yếu là bê tông, cọc tiêu hồng, nhựa đường,...

- Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế các bóng đèn chiếu sáng trên tuyến dự án làm phát sinh khoảng 3-5 kg/đợt bảo dưỡng; thành phần chủ yếu là bóng đèn LED hồng.

### *3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại*

#### *a) Giai đoạn thi công, xây dựng*

- Hoạt động thi công tại công trường làm phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng lớn nhất trong giai đoạn thi công chuẩn bị mặt bằng và xây dựng khoảng 19,3 kg/ngày. Thành phần chính: dầu mỡ thải, xơ bông thấm dầu thải, cặn sơn thừa thải, bao bì thùng chứa sơn thải, bóng đèn huỳnh quang thải,...

#### *b) Giai đoạn vận hành*

- Hoạt động bảo trì, sửa chữa các công trình và hệ thống an toàn giao thông làm phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 15.480 kg/đợt. Thành phần chủ yếu là cặn sơn thừa thải, bao bì thùng chứa sơn thải. Công tác này chỉ thực hiện khi các vạch sơn bị mờ, không đảm bảo an toàn.

### *3.3. Tiếng ồn, độ rung*

#### *a) Giai đoạn thi công, xây dựng*

Phát sinh từ các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị thi công.

#### *b) Giai đoạn vận hành*

- Phát sinh từ các phương tiện tham gia giao thông ảnh hưởng tới khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến đường.